

Bản án số: 46/2022/HS-ST
Ngày: 30 - 11 - 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI- TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hành.

Các hội thẩm nhân dân: ông Lê Văn Chinh và bà Y Liên.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Công Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa:
ông Đàm Công Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2022/TLST-HS ngày 07-11-2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2022 đối với:

- **Bị cáo: Phạm Duy T;** tên gọi khác: Không; sinh năm 1980; tại tỉnh T; Nơi ĐKKHKT: thôn 4, xã T, huyện H, tỉnh T; Nơi ở hiện nay: thôn 5, xã D, huyện Đ, tỉnh K; Nghề nghiệp: B; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Duy K (đã chết) và bà Lê Thị T; Bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con đầu trong gia đình; Vợ đầu: Trịnh Thị T (đã chết); Vợ hiện tại: Lê Thị T; Con: 02 con lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/7/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Lê Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn 5, xã D huyện Đ, tỉnh K. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Viết Q sinh năm 1980; địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

+ Anh Lê Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh T. Vắng mặt.

+ Ông Dương Đức V, sinh năm 1960; địa chỉ: thôn R, xã T, huyện V, tỉnh B. Vắng mặt.

- *Người chứng kiến*: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1967, địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh K. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Ngày 22/7/2022, Công an huyện N phát hiện đối tượng nghi vấn về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy tại địa bàn xã Đ, nên phối hợp với Đoàn biên phòng Đ và Công an xã Đ tiến hành kiểm tra, xác minh. Đến khoảng 11 giờ 45 phút cùng ngày, tổ công tác phát hiện một đối tượng đang điều khiển xe mô tô BKS 36L6-3882 trên đường liên thôn P, xã Đ nên tiến hành dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra đối tượng khai nhận tên Phạm Duy T, phát hiện trong lai ống quần bên trái Phạm Duy T đang mặc có 01 (một) gói ni lông màu xanh – trắng, kích thước khoảng (5,5x6,5) cm, trên thân có chữ “Bột chiên”, trong gói ni lông có 03 (ba) gói giấy kích thước gần bằng nhau khoảng (1,2x3) cm, bên trong đều chứa chất rắn dạng bột màu trắng (nghi là ma túy). Phạm Duy Thành khai nhận chất rắn dạng bột màu trắng bên trong 03 (ba) gói giấy trên là ma túy, loại Heroin, T mua được của 01 người đàn ông tên “Út” (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) tại thôn Đ, xã Đ với giá 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) để về sử dụng cho bản thân. Tổ công tác tiến hành đưa đối tượng Phạm Duy T cùng tang vật, phương tiện về trụ sở Đội công tác địa bàn, Đoàn biên phòng Đ lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, đồng thời tạm giữ, niêm phong tang vật theo quy định.

Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Duy T khai nhận toàn bộ nội dung diễn biến hành vi phạm tội như sau: Bị cáo bắt đầu sử dụng ma túy (loại Heroin) từ khoảng tháng 02/2022. Vào khoảng ngày 10/7/2022, bị cáo được một người bạn nghiện quen biết ngoài xã hội ở huyện Đ dẫn đến khu vực lô cao su thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện N và mua được 01 gói ma túy với giá 100.000đ (*một trăm ngàn đồng*) của một người đàn ông tên “Út” (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) để sử dụng. Đến sáng ngày 22/7/2022, bị cáo điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn Đen, BKS: 36L6-3882 đi từ nhà tại thôn 5, xã D, huyện Đ, K để tìm mua chó của người dân tại huyện Đ và huyện N về bán lại kiếm lời. Đến khoảng 11 giờ 00 cùng ngày, khi đi đến huyện Ni, bị cáo nảy sinh ý định sử dụng ma túy nên điều khiển xe đi vào lô cao su thuộc thôn Đ, xã Đ tìm Út để mua. Đến khoảng 11 giờ 35 phút cùng ngày, bị cáo thấy “Út” đang đi bộ trên đoạn đường bê tông gần lô cao su nên đi đến hỏi: “*có hàng (heroin) không, để cho anh ba*

trăm” thì Út đáp: “Có, chạy lên một đoạn đi rồi quay lại”. Sau đó, bị cáo điều khiển xe đi theo đường bê tông liên thôn được khoảng 50m rồi quay lại gặp Út. Bị cáo đưa cho Út số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) thì Út chỉ cho bị cáo 01 gói ni lông màu xanh – trắng chứa ma túy để ở ven đường. Bị cáo đi lại nhặt gói ni lông này lên cất giấu vào trong lai ông quần bên trái đang mặc rồi điều khiển xe mô tô đi về. Đến khoảng 11 giờ 45 phút cùng ngày, khi bị cáo đang đi trên đường liên thôn P, xã Đ, huyện N thì bị tổ Công tác Công an huyện N và Đoàn biên phòng Đ dừng xe kiểm tra phát hiện gói ma túy mà bị cáo cất giấu.

Tại bản Kết luận giám định số 145/KL-KTHS ngày 26/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kon Tum kết luận: Mẫu chất rắn dạng bột màu trắng (ký hiệu M1; M2; M3) được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy, là loại Heroine, có tổng khối lượng: 0,257gam (Không thấy, hai trăm năm mươi bảy gam).

Bản cáo trạng số: 36/CT-VKS ngày 07/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Phạm Duy T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định việc truy tố đối với Phạm Duy T là có căn cứ, đúng pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Duy T mức án tù 12 tháng đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tuyên tịch thu, tiêu hủy toàn bộ số ma túy;

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA, màu sơn: đen, BKS: 36L6-3882, số máy: LC150FMG00223688, số khung: RLHHC09006Y033510; 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số: 0016662, biển số đăng ký: 36L6-3882; 01 (một) vỏ lốc máy bằng kim loại của xe mô tô BKS: 36L6-3882, trên lốc máy có chữ, số: HC09E-6033418.

Về án phí: Đề nghị căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Duy T thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo nhất trí với kết luận giám định số 145/KL-KTHS ngày 26/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kon Tum

Lời nói sau cùng của bị cáo Phạm Duy T: Thừa HĐXX BC bị cáo đã thấy hành vi của mình là phạm pháp luật, gia đình có con còn nhỏ, vợ không nghề nghiệp, mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt để bị cáo về nuôi dạy con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; những người tham gia tố tụng trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Viết Q được Tòa án triệu tập và có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T và ông Dương Đức V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, người chứng kiến anh Trần Văn Đ vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến với những người vắng mặt đã được cơ quan Điều tra làm rõ, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên, Căn cứ vào Điều 192 về sự vắng của đương sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hành vi phạm tội và điều luật áp dụng đối với bị cáo:* Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Duy T khai nhận hành vi của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Ngày 22/7/2022, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn đen, biển kiểm soát 36L6-3882 đi từ nhà tại thôn 5, xã D, huyện Đ lên huyện N mục đích mua chó về bán lại kiếm lời. Đến khoảng 11 giờ 00 cùng ngày, khi đi đến huyện N, bị cáo nảy sinh ý định sử dụng ma túy nên điều khiển xe mô tô vào lô cao su thuộc thôn Đ, xã Đ tìm, gặp một người tên “Út” (không rõ nhân thân lai lịch) và bị cáo mua của người này 300.000đ ma túy rồi cất giấu vào trong lai ống

quần bên trái đang mặc. Đến khoảng 11 giờ 45 phút, cùng ngày, khi bị cáo đang đi trên đường liên thôn P, xã Đ, huyện N thì bị tổ công tác kiểm tra phát hiện và thu giữ 03 gói giấy nhỏ chứa ma túy.

Kết luận giám định 145/KL-KTHS ngày 26/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Kon Tum đã kết luận: Mẫu chất rắn dạng bột màu trắng thu giữ trên người của Thành là ma túy, là loại Heroine, có tổng khối lượng: 0,257gam (*không thấy, hai trăm năm mươi bảy gam*). Tại thời điểm thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy Phạm Duy T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi truy tố Phạm Duy T theo điều luật vừa nêu, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo biết rõ, ma túy là chất độc dược có khả năng gây nghiện cao, làm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng của người sử dụng. Tội phạm về ma túy là một trong những tội phạm có khả năng làm nảy sinh ra nhiều loại tội phạm, tệ nạn xã hội khác. Bởi vậy, những hành vi như mua bán, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép loại chất này bị pháp luật nghiêm cấm. Mặc dù vậy, với mong muốn được sử dụng chất ma túy để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, bị cáo đã cố ý tàng trữ trái phép ma túy trong người. Hành vi phạm tội thể hiện ý thức liều lĩnh, coi thường pháp luật của bị cáo; gây ảnh hưởng xấu đến chính sách quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt một mức án nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối bị cáo.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng - giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với người phạm tội, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Phạm Duy T không phải chịu các quy định về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, vợ bị cáo là Lê Thị T không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình và có xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình của bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, mà bị cáo được hưởng giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, sớm cải tạo thành người có ích.

[5] Với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ cùng nhân thân của bị cáo Phạm Duy T như đã phân tích, đánh giá ở trên, thấy

rằng: Cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục người phạm tội, đồng thời cũng nhằm để răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Phạm Duy T hiện nay làm nghề buôn bán chó thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Nguồn gốc gói ma túy trong vụ án theo lời khai của Phạm Duy T, là do một người có tên Út bán cho bị cáo. Tuy nhiên, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch của Út, nên chưa đủ cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với người này.

[8] Về vật chứng của vụ án: Cùng với số ma túy, Cơ quan điều tra còn thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA, màu sơn: đen, BKS: 36L6-3882, số máy: LC150FMG00223688, số khung: RLHHC09006Y033510; 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số: 0016662, biển số đăng ký: 36L6-3882; 01 (một) vỏ lọc máy bằng kim loại của xe mô tô BKS: 36L6-3882, trên lọc máy có chữ, số: HC09E-6033418.

Xét thấy: Số ma túy là vật cấm lưu hành nên tịch thu, tiêu hủy. Riêng đối với xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA, màu sơn: đen, BKS: 36L6-3882 mà Phạm Duy T dùng để đi mua ma túy, quá trình điều tra xác định, Phạm Duy T mua lại chiếc xe mô tô trên của một người đàn ông không quen biết ở xã thị xã B, tỉnh T vào năm 2016 với giá 8.000.000đ (*tám triệu đồng*), khi mua xe có giấy đăng ký xe, người đứng tên đăng ký chủ sở hữu là ông Lê Văn T (*sinh năm: 1972, trú tại: thôn Hỳ, xã H, huyện H, tỉnh T*). Qua điều tra, ông T khai đã bán chiếc xe mô tô trên cho một người đàn ông (*không rõ nhân thân, lai lịch*) vào năm 2016, hiện tại ông T không yêu cầu gì về chiếc xe trên. Năm 2020, T chuyển vào sinh sống tại thôn 5, xã D, huyện Đ, tỉnh K và mang theo chiếc xe trên để đi lại. Khoảng tháng 6/2022, do vỏ lọc máy của xe bị hư hỏng nên T đã mang xe đến tiệm sửa xe M thuộc xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum do ông Nguyễn Việt Q làm chủ để sửa chữa, thay thế vỏ lọc máy khác. Sau đó, ông Q sử dụng 01 vỏ lọc máy số “LC150FMG-00223688” mua được từ trước của 01 người mua bán phế liệu để thay thế cho xe mô tô của T, còn vỏ lọc máy cũ T để lại tại tiệm sửa xe của ông Q (*hiện Cơ quan CSĐT đã tạm giữ*). Trên vỏ lọc máy cũ của T thể hiện số máy “HC09E-6033418” trùng khớp với số máy trong giấy đăng ký xe mô tô BKS: 36L6-3882.

Căn cứ kết quả tra cứu thể hiện số máy “LC150FMG-00223688” là của xe mô tô mang biển kiểm soát 98F9-0014, loại xe: hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu: ORIENTAL, màu sơn: Nâu do ông Dương Đức Vi (*sinh năm: 1960, trú*

trú tại: thôn g, xã T, huyện Vn, tỉnh Bg) đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Qua làm việc, ông Viên khai mua xe mô tô trên vào năm 2003. Đến khoảng năm 2008, ông V bán lại chiếc xe mô tô trên cho một người không quen biết với giá 5.000.000đ (năm triệu đồng). Ông V hiện không yêu cầu gì đối với vỏ lóc máy trên. Qua tra cứu hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu truy tìm xác định chiếc xe mô tô BKS: 36L6-3882 không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Như vậy, chiếc xe mô tô BKS: 36L6-3882 bị cáo đã dùng vào việc phạm tội, cũng như bị cáo đã tự ý thay đổi số máy khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép, do đó cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với toàn bộ vật chứng này.

[10] Đối với hành vi khác liên quan đến vụ án: Trong vụ án này có người nam thanh niên đã bán ma túy cho Phạm Duy T, thì bị cáo chỉ biết người này có tên thường gọi là “Út” ở khu vực lô cao su thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện N còn tên tuổi địa chỉ và nhân thân, lai lịch cụ thể của người này thì T không biết. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp xác minh, truy tìm để làm rõ nhân thân, lai lịch cũng như hành vi phạm tội của đối tượng nhưng đến nay chưa có kết quả, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí: Bị cáo Phạm Duy T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Duy T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt bị cáo Phạm Duy T 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 22-7-2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì chứa mẫu vật sau khi trích giám định đã được niêm phong, mặt trước có ghi nội dung “CÔNG AN TỈNH KON TUM PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ SỐ: 145/KLGD-PC09”, tại các mép dán mặt sau có các hình dấu tròn có nội dung “*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ* CÔNG AN TỈNH KON TUM*” và các chữ ký ghi tên Phùng Văn Quế, Nguyễn Quốc Huy, Phan Đình Hoàng (mẫu vật hoàn lại sau giám định là 0,229 gam).

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA, màu sơn: đen, BKS: 36L6-3882, số máy: LC150FMG00223688, số khung: RLHHC09006Y033510; 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số: 0016662, biển số đăng ký: 36L6-3882; 01 (một) vỏ ốc máy bằng kim loại của xe mô tô BKS: 36L6-3882, trên ốc máy có chữ, số: HC09E-6033418.

Các vật chứng, tài sản nêu trên như được ghi tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17-11-2022 giữa Công an huyện Ngọc Hồi và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội);

Buộc bị cáo Phạm Duy T phải nộp là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về kháng cáo: *Áp dụng các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;*

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30-11-2022), bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Công an huyện Ngọc Hồi;
- Phòng PV27 CA tỉnh KonTum;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hành

